

**Bài báo nghiên cứu**

**CHỦ TRƯỞNG NGOẠI GIAO CÂN BẰNG  
CỦA ĐẢNG LAO ĐỘNG VIỆT NAM  
TRONG KHÁNG CHIẾN CHỐNG MỸ, CỨU NƯỚC (1954-1975)**

**Tô Thị Hạnh Nhân**

*Trường Đại học Sư phạm Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam*

*Tác giả liên hệ: Tô Thị Hạnh Nhân – Email: [nhantth@hcmue.edu.vn](mailto:nhantth@hcmue.edu.vn)*

*Ngày nhận bài: 26-9-2023; ngày nhận bài sửa: 12-3-2024; ngày duyệt đăng: 21-5-2024*

**TÓM TẮT**

*Bài viết này làm rõ chủ trương đối ngoại cân bằng của Đảng Lao động Việt Nam giữa bối cảnh phức tạp của quan hệ quốc tế từ năm 1954 đến năm 1975. Thông qua việc phân tích quá trình hoạch định chủ trương đối ngoại cân bằng, độc lập, tự chủ trong cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước của Đảng, nhất là vào những thời điểm lịch sử bước ngoặt, bài viết góp phần làm sáng tỏ đường lối quốc tế và nghệ thuật ngoại giao của Đảng – một trong những yếu tố quyết định đến thành công của cuộc kháng chiến. Những kinh nghiệm từ diễn trình lịch sử này có thể vận dụng vào quá trình xây dựng và bảo vệ Tổ quốc trong giai đoạn hiện nay.*

**Từ khóa:** cân bằng; chủ trương ngoại giao; quan hệ quốc tế; giai đoạn 1954-1975

**1. Đặt vấn đề**

Ngoại giao là một mặt trận đóng vai trò rất quan trọng, góp phần to lớn vào những thắng lợi chống xâm lăng của dân tộc Việt Nam; là một bộ phận quan trọng hợp thành đường lối cách mạng của Đảng Lao động Việt Nam. Những năm 1954-1975 là giai đoạn lịch sử có nhiều biến động mới ở trong nước, khu vực và quốc tế, đặc biệt là giữa các nước lớn trong hai hệ thống tư bản chủ nghĩa và xã hội chủ nghĩa, vừa đấu tranh vừa có những hòa hoãn cục bộ với nhau vì lợi ích chiến lược của bản thân các nước đó; hơn nữa, hai đồng minh chiến lược của Việt Nam là Liên Xô và Trung Quốc cũng có mâu thuẫn và ngày càng xích gần hơn với Mỹ. Vì vậy, ngoại giao Việt Nam thời kỳ này có nhiệm vụ nặng nề và phức tạp, vừa phải tranh thủ rộng rãi sự ủng hộ quốc tế đối với cuộc chiến tranh cách mạng ở miền Nam và công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội ở miền Bắc; vừa phải giải quyết khéo léo, hiệu quả mối quan hệ với các nước lớn. Tất cả điều này đặt ra những bài toán lớn đối với Đảng cầm quyền.

---

**Cite this article as:** Tô Thị Hạnh Nhân (2024). The balanced diplomacy perspective of the Vietnam workers' party during the resistance war against the U.S. for national salvation (1954-1975). *Ho Chi Minh City University of Education Journal of Science*, 21(7), 1298-1308.

## 2. Giải quyết vấn đề

### 2.1. Một số khái niệm liên quan

*Đại từ điển Bách khoa toàn thư* (tái bản năm 1998) viết: “Ngoại giao là hoạt động chính thức của người đứng đầu nhà nước, chính phủ và của các cơ quan chuyên trách về quan hệ đối ngoại, nhằm thực hiện mục tiêu, nhiệm vụ của chính sách đối ngoại của quốc gia, cũng như nhằm bảo vệ quyền lợi quốc gia ở nước ngoài” (Vu, 2022, p.15). Theo cuốn *Từ điển Tiếng Việt*, ngoại giao là “sự giao thiệp với nước ngoài để bảo vệ quyền lợi của quốc gia mình và để góp phần giải quyết những vấn đề quốc tế chung” (Hoang, 2021, p.865).

Theo *Từ điển Tiếng Việt*, cân bằng là “trạng thái trong đó các lực lượng và xu hướng ngang nhau, tương đương với nhau” (Hoang, 2021, p.154). Bản chất của chính sách cân bằng quan hệ là không liên minh – không đối đầu với quốc gia nào. Để làm được điều này, đòi hỏi các chủ thể phải có các hoạt động khéo léo, không ngả nghiêng, dao động, không bị cuốn vào những tranh chấp, mâu thuẫn trong nội bộ. Nói cách khác, ngoại giao cân bằng nghĩa là không đứng về bên nào trong nhiều cuộc xung đột khác nhau và không tạo ra bất kì kẻ thù nào; kiên định độc lập, tự chủ và đoàn kết quốc tế; tất cả nhằm vì mục tiêu chiến lược, vì lợi ích quốc gia - dân tộc chân chính.

Đánh và đàm là nghệ thuật kết hợp giữa đấu tranh quân sự, chính trị với đấu tranh ngoại giao, tạo ra sức mạnh tổng hợp để chiến thắng kẻ thù xâm lược trên cả chiến trường và bàn đàm phán. Đánh và đàm thực chất là sự phối hợp giữa chiến trường với đàm phán và vận động dư luận thế giới, vận dụng tổng hợp nhiều nhân tố (chiến trường, hậu phương quốc tế và đàm phán trực tiếp với Mĩ) để cải thiện so sánh lực lượng, tạo chuyển biến có lợi cho cuộc đấu tranh cách mạng để chiến thắng đế quốc xâm lược với tinh thần “chúng ta chỉ có thể giành được trên bàn hội nghị đàm phán những cái mà chúng ta đã giành được trên chiến trường” (Communist Party of Viet Nam, 2003, p.174).

### 2.2. Bối cảnh lịch sử

#### 2.2.1. Tình hình thế giới

Vào giữa thế kỉ XX, hệ thống các nước xã hội chủ nghĩa đứng đầu là Liên Xô tiếp tục lớn mạnh về mọi mặt. Phong trào giải phóng dân tộc thế giới cũng có những bước tiến quan trọng với nhiều nét mới, đặc sắc là sự nổi dậy đều khắp cả Á, Phi và Mĩ Latin; Phong trào giải phóng dân tộc thế giới vừa tăng sức cổ vũ cho cách mạng miền Nam Việt Nam tiến lên, vừa làm suy yếu, phân tán lực lượng chủ nghĩa đế quốc, hỗ trợ tích cực cho sự nghiệp cách mạng xã hội chủ nghĩa. Phong trào đấu tranh vì hòa bình, dân chủ và tiến bộ xã hội của giai cấp công nhân và nhân dân lao động ở trong lòng các nước tư bản ngày càng lên cao. Tuy nhiên, trong quá trình tiến hành xây dựng chủ nghĩa xã hội đã bắt đầu xuất hiện những bất cập, hạn chế về kinh tế - xã hội, đặc biệt là những bất đồng trong nội khối xã hội chủ nghĩa, nhất là giữa Liên Xô và Trung Quốc.

Sau khi cách mạng Trung Quốc thành công năm 1949, trong thời gian hai năm đầu (1949-1951), nhà lãnh đạo Trung Quốc Mao Trạch Đông đã cố gắng tìm cách chứng tỏ sự

“tự trị tư tưởng” và khả năng của những người cộng sản Trung Quốc trong việc tìm ra một mẫu hình cách mạng mới mà các nước thuộc địa và nửa thuộc địa phải noi theo. Sau đó, Trung Quốc đã tiến hành tuyên truyền cho “tư tưởng Mao Trạch Đông”, mô hình Trung Quốc được xem là có ý nghĩa quốc tế và là định hướng cho các nước học tập.

Đặc biệt, những biến động bất ngờ trong phe xã hội chủ nghĩa sau khi lãnh tụ Liên Xô là Stalin qua đời (03/1953), nhất là sau Đại hội lần thứ XX (02/1956) của Đảng Cộng sản Liên Xô thì mâu thuẫn Xô - Trung dần dần bộc lộ và ngày càng nghiêm trọng. Ban đầu chỉ là cuộc tranh luận nội bộ, sau đó bộc lộ công khai về những vấn đề lớn như cách nhìn nhận đế quốc Mỹ, đường hướng phát triển kinh tế - xã hội trong mỗi nước và sự tranh giành vị thế lãnh đạo trong phong trào cộng sản cũng như phong trào giải phóng dân tộc. Trên các phương tiện truyền thông, Trung Quốc coi Liên Xô là “chủ nghĩa xét lại” và ngược lại, Liên Xô coi Trung Quốc là “chủ nghĩa giáo điều”. Cuộc tranh luận giữa hai đảng chuyển dần sang các đối sách về mặt nhà nước. Tháng 03/1969, mâu thuẫn Xô - Trung ngày càng trở nên trầm trọng dẫn tới xung đột vũ trang trên sông Ussuri. Đến tháng 06/1969, xung đột vũ trang lại diễn ra ở vùng biên giới Tân Cương. Dù sau đó, hai nước đồng ý mở cuộc đàm phán từ ngày 20/10/1969, nhưng sau một thời gian dài, vấn đề vẫn bế tắc.

Trong khi đó, từ sau chiến tranh thế giới thứ hai, Mỹ là đế quốc có tiềm lực kinh tế và quân sự mạnh nhất thế giới tư bản, lại có ưu thế về vũ khí hạt nhân. Mỹ thực hiện chiến lược toàn cầu với sự khẳng định: “Ngày nay, Hoa Kỳ là quốc gia mạnh, nghĩa là với một sức mạnh như thế, chúng ta có nghĩa vụ nắm quyền lãnh đạo thế giới” (Nguyen, 2013, p.101). Do quá lo ngại về sự lan rộng của chủ nghĩa cộng sản tới Đông Nam Á mà Mỹ đã nhanh chóng dính líu, can thiệp ngày càng sâu vào Đông Dương, âm mưu “biến Việt Nam thành môi trường thí nghiệm các học thuyết chiến tranh xâm lược thực dân mới” (Directing Board of Summary of the War under the Politburo, 2000, p.83).

### 2.2.2. Tình hình trong nước

Sau chín năm kháng chiến chống thực dân Pháp và can thiệp Mỹ (1946-1954), nhân dân Việt Nam bước vào thời kỳ lịch sử đặc biệt. Một nửa đất nước từ vĩ tuyến 17 trở ra (sông Bến Hải, Quảng Trị) đã được giải phóng nhưng một nửa đất nước vẫn nằm trong sự kiểm soát của thực dân xâm lược. Đây là thời kỳ đặc biệt của lịch sử dân tộc. Bên cạnh những nhân tố thuận lợi, nhất là một nửa đất nước đã được hòa bình, trở thành hậu phương lớn cho tiền tuyến lớn miền Nam thì vấn đề phức tạp nhất nảy sinh lúc này là quan điểm, thái độ của Liên Xô và Trung Quốc đối với vấn đề cách mạng miền Nam Việt Nam. Cả hai nước này không muốn Việt Nam phát động đấu tranh vũ trang mà chung quan điểm duy trì hiện trạng Việt Nam chia cắt hai miền với hai chế độ chính trị khác nhau, thuyết phục Việt Nam tạm thời chia cắt đất nước.

Dù trong Bản Tuyên bố cuối cùng của Hội nghị Giơnevơ về Đông Dương, Điều 7 quy định cuộc Tổng tuyển cử sẽ được tổ chức vào tháng 07 năm 1956 dưới sự kiểm soát của một

Ủy ban quốc tế nhưng những điều khoản này đã không được Mỹ và chính quyền Việt Nam Cộng hòa thực thi mà ra sức phủ nhận, từ chối hiệp thương tổng tuyển cử.

Như vậy, sau Hiệp định Giơnevơ (07/1954), Việt Nam đã trở thành tiêu điểm xung đột, hội tụ những mâu thuẫn, lợi ích giữa các cường quốc trên bàn cờ quốc tế. Giữa bối cảnh phức tạp, chưa có tiền lệ đó, cả thế giới theo dõi cuộc đối đầu không cân sức giữa Mỹ và Việt Nam, đòi hỏi Đảng Lao động Việt Nam phải có chủ trương ngoại giao khéo léo, phù hợp và hiệu quả nhằm hóa giải được cục diện khó lường này, đặc biệt là dù tình hình như thế nào vẫn phải kết hợp được đường lối độc lập, tự chủ với tranh thủ được sự ủng hộ của Liên Xô và Trung Quốc cũng như loài người tiến bộ nhằm đảm bảo chắc thắng trong cuộc đọ sức mang tầm quốc tế này.

### **2.3. Chính sách đối ngoại của Việt Nam**

#### **2.3.1. Giai đoạn 1954-1964**

Trước thái độ khác nhau của hai nước lớn đồng minh Xô - Trung, Việt Nam kiên trì giải thích với họ rằng trước sau Việt Nam vẫn chủ trương thi hành Hiệp định Giơnevơ; hoạt động vũ trang có tính chất tự vệ và hỗ trợ đấu tranh chính trị, không để chiến tranh lan rộng (Vietnamese Diplomacy 1945-2000, 2002, p.188). Khi mâu thuẫn Xô - Trung bộc lộ công khai, Trung Quốc công bố văn kiện “Chủ nghĩa Lênin muôn năm” và Liên Xô cắt viện trợ cho Trung Quốc, rút chuyên gia về nước thì Việt Nam bày tỏ mong muốn thân thành hai đảng và hai nước đoàn kết, đề nghị các đảng anh em chấm dứt công kích lẫn nhau trên đài phát thanh và báo chí, đồng thời đề nghị các đảng cộng sản hợp để chấm dứt sự bất hòa.

Về xác định đối tượng của cách mạng Việt Nam trong giai đoạn mới, Hội nghị Trung ương lần thứ sáu (khoá II) vào tháng 07/1954, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã chỉ ra rằng: “Hiện nay đế quốc Mỹ là kẻ thù chính của nhân dân thế giới, và nó đang trở thành kẻ thù chính và trực tiếp của nhân dân Đông Dương” (Communist Party of Viet Nam, 2001, p.172). Đến tháng 03/1955, Hội nghị Trung ương Đảng lần thứ bảy mở rộng (khoá II) đã chỉ rõ: “Kẻ thù cụ thể trước mắt của toàn dân ta hiện nay là đế quốc Mỹ, phá thực dân Pháp phản Hiệp định và bọn Ngô Đình Diệm; đế quốc Mỹ là kẻ thù đầu sỏ và nguy hiểm nhất” (Communist Party of Viet Nam, 2002, p.207). Đến Hội nghị Trung ương lần thứ tám (khoá II) tháng 08/1955, một lần nữa Đảng khẳng định dứt khoát “Đế quốc Mỹ là kẻ thù đầu sỏ và nguy hại nhất” (Communist Party of Viet Nam, 2002, p.571); “dựa vào sức lực của nhân dân ta là chính, đồng thời sử dụng hợp lí viện trợ của các nước bạn, nhưng tuyệt đối không được ỷ lại” (Communist Party of Viet Nam, 2002, p.578), “nguyên tắc của ta thì phải vững chắc, nhưng sách lược của ta thì linh hoạt” (Communist Party of Viet Nam, 2001, p.172). Sau khi xác định được đối tượng tác chiến chính, trực tiếp của cách mạng, đánh giá kĩ những biến chuyển mới của tình hình trong nước và quốc tế, đặc biệt là chính sách đối ngoại của các nước lớn và đặt cách mạng Việt Nam trong sự vận động, tiến công của ba dòng thác cách mạng thế giới, Đảng Lao động Việt Nam đã lựa chọn chính sách cân bằng quan hệ, kiên định đứng giữa, không công khai chỉ trích bên nào nhằm “lôi kéo cả hai siêu cường vào cuộc chiến,

cùng giúp đỡ, cùng được hoan nghênh, nhưng không đánh mất mục tiêu của mình” (Pham, 2015, p.81).

Nghị quyết 15 năm 1959 là văn kiện chính thức đầu tiên thể hiện lập trường công khai của Việt Nam trong việc lựa chọn con đường nào để giải phóng miền Nam khi đứng giữa sự kiến nghị “chung sống hòa bình” hay “trường kì mai phục” của Liên Xô và Trung Quốc. Nghị quyết 15 khẳng định: “Vì chế độ miền Nam là một chế độ thực dân và nửa phong kiến cực kì phản động và tàn bạo, vì chính quyền miền Nam là chính quyền đế quốc và phong kiến độc tài, hiếu chiến, cho nên ngoài con đường cách mạng, nhân dân miền Nam không có con đường nào khác để tự giải phóng khỏi xiềng xích nô lệ... con đường phát triển cơ bản của cách mạng Việt Nam ở miền Nam là khởi nghĩa giành chính quyền về tay nhân dân” (Communist Party of Viet Nam, 2002, p.82).

Đến tháng 09/1960, tại Đại hội III, Đảng đề ra một đường lối vừa sát với thực tiễn Việt Nam, vừa phù hợp với lợi ích của nhân loại tiến bộ và xu thế thời đại, đặc biệt thể hiện tư duy độc lập, tự chủ, không chịu sự tác động tiêu cực từ các nước lớn bên ngoài. Đó là đường lối tiến hành đồng thời và kết hợp chặt chẽ hai chiến lược cách mạng khác nhau ở hai miền: cách mạng xã hội chủ nghĩa ở miền Bắc và cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân ở miền Nam nhằm thực hiện mục tiêu chung trước mắt của cả nước là giải phóng miền Nam, hòa bình, thống nhất Tổ quốc. Tuy nhiên, quyết định của Nghị quyết 15 năm 1959 và Nghị quyết Đại hội lần thứ III năm 1960 của Đảng “đã khiến Mátxcova không hài lòng. Các nhà lãnh đạo Liên Xô lo ngại đây sẽ là cái cớ để các nước SEATO<sup>2</sup> tham dự vào chiến tranh, thổi bùng ngọn lửa xung đột trên phạm vi rộng” (Nguyen, 2013, p.175). Nhưng Việt Nam vẫn kiên định với con đường đã hoạch định với quyết tâm: “Dân tộc ta là một, nước Việt Nam là một. Nhân dân ta nhất định sẽ vượt tất cả mọi khó khăn và thực hiện kì được “thống nhất đất nước, Nam Bắc một nhà” (Communist Party of Viet Nam, 2002, p.486). Qua đó càng tỏ rõ tinh thần độc lập, tự chủ trong quá trình hoạch định đường lối của Đảng Lao động Việt Nam, không để sự bất hòa giữa các nước lớn làm ảnh hưởng bất lợi đến mục tiêu chiến lược là sự giải phóng miền Nam, thống nhất Bắc Nam.

Kết quả cả hai nước lớn vẫn ủng hộ, viện trợ cho Việt Nam, nhất là về quân sự, tuy mức độ có khác nhau. Tính chung, trong 10 năm (1954-1964), các nước trong hệ thống xã hội chủ nghĩa, chủ yếu là Liên Xô và Trung Quốc, viện trợ không hoàn lại tổng khối lượng vật chất lên tới 119.790 tấn, bao gồm các loại vũ khí, đạn dược, trang thiết bị đồng bộ, lương thực, thực phẩm, thuốc men, y cụ... Số lượng nhiều loại trang bị khí tài mới tăng lên gấp rưỡi, gấp đôi. Thí dụ vũ khí nhẹ tăng 140%, pháo tăng 205%, cao xạ tăng 247%, radar tăng 200%...” (Nguyen, 2020, pp.54-58). Với sự giúp đỡ thiết thực và hiệu quả này, tiềm lực quốc phòng của Việt Nam không ngừng được tăng cường mạnh mẽ, dù so với quân đội hiện

---

<sup>2</sup> SEATO (Southeast Asia Treaty Organization) là Tổ chức Hiệp ước Đông Nam Á thành lập vào tháng 09/1954 nhằm mục đích phòng thủ, ngăn chặn cộng sản tràn xuống Đông Nam Á, gồm 08 quốc gia: Pháp, Anh, Úc, New Zealand, Philippines, Pakistan, Thái Lan và Mĩ.

đại các nước công nghiệp tiên tiến thì còn ở mức thấp, nhưng so với tình hình trang bị trước đây thì đó là sự biến đổi to lớn, đi trước một bước khá dài. Như đánh giá của Chủ tịch Hồ Chí Minh tại Hội nghị Bộ Chính trị đặc biệt (03/1964): “Địa vị quốc tế của nước ta không ngừng được nâng cao. Chúng ta tranh thủ được sự đồng tình và ủng hộ ngày càng rộng rãi và mạnh mẽ của các nước anh em và của nhân dân toàn thế giới” (Ho, 2011, vol.14, p.283).

Như vậy, Việt Nam đã xử lý hiệu quả nhiều tình huống ngoại giao tế nhị và phức tạp trong quan hệ với hai nước lớn đồng minh, thể hiện sự thấu tình đạt lý cũng như tinh thần “sự nghiệp cách mạng của chúng ta thì tự chúng ta phải chủ động làm lấy, ta phải giữ vững tính độc lập, tự chủ. Phải độc lập, tự chủ mới thắng được” (Communist Party of Viet Nam, 2004, Vol.35, p.42). Nhờ đó, thực lực kháng chiến không ngừng được tăng cường về mọi mặt, sức mạnh chiến đấu vì thế không ngừng được cải thiện và nâng cao, từng bước thực hiện thắng lợi công cuộc xây dựng miền Bắc và tổ chức chi viện cho các lực lượng vũ trang đánh bại chiến lược “chiến tranh đặc biệt” của đế quốc Mỹ và chính quyền Sài Gòn trên chiến trường miền Nam.

### 2.3.2. Giai đoạn 1965-1975

Đầu năm 1965, Mỹ thực hiện chiến lược “chiến tranh cục bộ” tung quân Mỹ trực tiếp vào chiến đấu, với mục tiêu chỉ cần khoảng 03 năm – từ tháng 07 năm 1965 đến cuối năm 1967 – là nhất định giành thắng lợi, nhanh chóng rút khỏi miền Nam. Đặc biệt, lợi dụng tình hình nội bộ khối xã hội chủ nghĩa, Mỹ tìm mọi cách cô lập Việt Nam bằng cách khoét sâu mâu thuẫn giữa Trung Quốc và Liên Xô – hai đồng minh lớn nhất của Việt Nam như chính Ngoại trưởng Mỹ lúc đó là Kissinger thừa nhận: “Chuyện hai cường quốc cộng sản ganh đua một mối quan hệ tốt với chúng ta chỉ có thể tạo ra một cơ sở cho hòa bình mà thôi... Về mặt địa - chính trị nó chống lại lợi ích của chúng ta nếu để Liên Xô trội hơn Trung Quốc, hoặc để cho Trung Quốc bị Moscow điều khiển” (Gaiduk, 1998, p.433).

Tháng 2/1972, Nixon đến Trung Quốc – một quốc gia chưa hề thiết lập quan hệ ngoại giao chính thức và Nixon cũng là Tổng thống Mỹ đầu tiên tới thăm Trung Quốc nhằm “lôi kéo Trung Quốc đứng về phía Mỹ trong cuộc chiến tranh Việt Nam, bật đèn xanh để Mỹ tùy nghi trong cuộc chiến này” (Nguyen, 2016, p.386). Không có súng chào, không có thảm đỏ, nhưng tại đây, Nixon đã được các nhà lãnh đạo Trung Quốc đón tiếp nồng nhiệt, đàm thoại trực tiếp, nhất trí mở rộng hợp tác trên nhiều lĩnh vực. Tháng 05/1972, Liên Xô đón Tổng thống Nixon, trong khi Mỹ thả mìn phong tỏa bờ biển Việt Nam và sau đó thực chất là làm nơ trước việc Mỹ dùng B52 tập kích chiến lược vào miền Bắc Việt Nam. Sau hai chuyến đi này, Nixon trắng trợn tuyên bố: “Thà thất bại trong bầu cử còn hơn thua ở Việt Nam” (Nguyen, 2016, p.388), rồi chỉ thị thực hiện các biện pháp để tăng cường sức ép quân sự lên Việt Nam.

Việc hai nước lớn đồng minh đều đón tiếp Tổng thống Mỹ Nixon trong năm 1972 đều hi vọng cải thiện quan hệ với Mỹ nhằm giải quyết những vấn đề có tính chiến lược khác, đồng thời hạn chế vai trò của nhau. Với Trung Quốc, đây là một bước tiến lớn để phá thế

bao vây cấm vận của Mỹ, giành vị trí tại Liên hợp quốc và đặt khuôn khổ đầu tiên cho quan hệ lâu dài Mỹ - Trung, trong đó có những nguyên tắc liên quan tới vấn đề Đài Loan (Vietnamese Diplomacy 1945-2000, 2002, p.234). Với Liên Xô, một mặt muốn tranh giành vị trí lãnh đạo phong trào công nhân và giải phóng dân tộc, hạn chế ảnh hưởng của Trung Quốc, mặt khác, tăng ảnh hưởng và uy tín của mình; hơn nữa, Liên Xô muốn tránh xung đột với Mỹ nhằm bảo toàn lợi ích chiến lược cơ bản của mình.

Trước tình hình phức tạp đó, Việt Nam có những chính sách linh hoạt, mềm dẻo và biết dàn hòa, tạo thế cân bằng với đối phương. Chủ tịch Hồ Chí Minh dặn dò các nhà ngoại giao Việt Nam “khi nói chuyện với các nhà ngoại giao Liên Xô, tuyệt đối không được phát biểu gì ảnh hưởng đến Trung Quốc; khi nói chuyện với các nhà ngoại giao Trung Quốc, cũng tuyệt đối không được phát biểu gì ảnh hưởng đến Liên Xô, mà chỉ được nói những điều góp phần tăng cường đoàn kết Xô – Trung... cần giữ thái độ bình tĩnh, không tỏ thái độ đứng về bên này chống bên kia” (Vietnamese Diplomacy 1945-2000, 2002, p.211).

Việt Nam quyết định thực hiện chiến lược “vừa đánh vừa đàm” theo tinh thần của Hội nghị Trung ương lần thứ 13 (01/1967): “Chúng ta cần tiến công địch về mặt ngoại giao bằng cách đẩy mạnh đấu tranh chính trị quốc tế và ngoại giao” (Communist Party of Viet Nam, 2003, p.150), “chúng ta cần chủ động và tích cực tạo điều kiện vận dụng sách lược vừa đánh vừa đàm, vừa đàm vừa đánh, nhằm mục đích tranh thủ rộng rãi dư luận thế giới, cô lập đế quốc Mỹ; gây thêm khó khăn cho địch, làm cho chúng bị động, lúng túng và nội bộ mâu thuẫn hơn nữa” (Communist Party of Viet Nam, 2003, p.151). Hội nghị lưu ý, trong đấu tranh ngoại giao, cần nắm vững phương châm: “Trong khi vạch ra đường lối về chiến lược và chủ trương về vận dụng sách lược, Đảng ta luôn *giữ vững tính độc lập*, tuy ta vẫn chú trọng tham khảo ý kiến các đảng anh em” (Communist Party of Viet Nam, 2003, p.140); “Giữ vững tính độc lập, đồng thời phối hợp chặt chẽ với các nước xã hội chủ nghĩa anh em” (Communist Party of Viet Nam, 2003, p.174).

Chiến lược vừa đánh vừa đàm đã củng cố địa vị của Việt Nam so với Mỹ và duy trì vị thế trung tâm của Việt Nam với Liên Xô và Trung Quốc vì đây là chiến lược chứa đựng cả yếu tố Xô - Trung. Qua đó cho thấy Việt Nam đã trưởng thành về mặt ngoại giao và giành thắng lợi quan trọng về mặt quân sự bởi “lúc đầu Việt Nam kiên quyết tiến hành cuộc kháng chiến chống lại Mỹ đến cùng, nhưng đã thay đổi sách lược vào năm 1968, khi quyết định thực hiện chiến thuật “vừa đánh vừa đàm” (Pham, 2015, p.28). Thực tiễn thành công trên chiến trường và trên bàn đàm phán đã chứng minh sinh động chủ trương đối ngoại cân bằng, thấu tình đạt lý này của Việt Nam là hoàn toàn sáng suốt, phù hợp và hiệu quả.

Có thể thấy, Việt Nam kiên định độc lập, tự chủ đi đôi với đoàn kết quốc tế, nhất là kiên trì đoàn kết với cả hai đồng minh chiến lược trong khối xã hội chủ nghĩa; tôn trọng vai trò và tiếng nói của cả Xô - Trung, thông báo cho hai nước về các vấn đề lớn của chiến tranh qua các cuộc gặp cấp cao. Trong các cuộc gặp như vậy, Việt Nam trình bày rõ lập trường của mình là kiên trì đường lối đánh lâu dài; phối hợp ba mặt trận đấu tranh quân sự, chính

trị, ngoại giao; giành thắng lợi từng bước; cố gắng kiềm chế và thắng Mĩ trong phạm vi Việt Nam và Đông Dương. Đồng thời, Việt Nam tỏ rõ không phụ thuộc vào bất cứ nước nào, dù đó là bạn bè đồng minh. Nhờ đó, “Hà Nội đã giữ được vị trí độc lập trong các mục tiêu chính trị” (Gaiduk, 1998, p.1464). Kết quả là Việt Nam vẫn tranh thủ được sự ủng hộ, giúp đỡ to lớn từ Liên Xô và Trung Quốc cả về chính trị, quân sự và kinh tế.

Về chính trị, Xô - Trung vẫn giành sự quan tâm, ủng hộ to lớn cho Việt Nam như nhiều đoàn cấp cao của hai nước sang thăm Việt Nam và chiều ngược lại; ủng hộ nhau trên truyền thông, các kênh ngoại giao đa phương; các cuộc mít tinh, biểu tình của nhân dân Liên Xô và Trung Quốc ủng hộ Việt Nam kháng chiến... Đặc biệt, cả hai nước đều thừa nhận địa vị pháp lí của Mặt trận dân tộc giải phóng miền Nam Việt Nam, sau đó là Chính phủ Cách mạng lâm thời Cộng hòa miền Nam Việt Nam, khẳng định đây là thực thể đại diện chân chính hợp pháp duy nhất của nhân dân miền Nam Việt Nam. Như nhà lãnh đạo Trung Quốc Chu Ân Lai đã nói với đồng chí Phạm Văn Đồng trong cuộc hội đàm ngày 09/10/1965: “Đối với Việt Nam, không bao giờ chúng tôi không muốn giúp. Trong tâm hồn, trong ý nghĩ chúng tôi không bao giờ muốn bán rẻ Việt Nam đâu...” (Pham, 2015, p.107). Cuối tháng 12/1964, Liên Xô cho phép đại diện thường trú của Mặt trận Dân tộc giải phóng miền Nam Việt Nam được hoạt động tại Moscow, đặc biệt là chuyến thăm của Đoàn đại biểu cấp cao Liên Xô do Chủ tịch Hội đồng Bộ trưởng Kossygin dẫn đầu tới Hà Nội vào tháng 02/1965. Tiếp đó là chuyến thăm Liên Xô của Đoàn đại biểu cấp cao Việt Nam Dân chủ Cộng hòa do đồng chí Lê Duẩn dẫn đầu vào tháng 04/1965 với Tuyên bố chung khẳng định: “Chính phủ Liên Xô sẵn sàng cho phép những công dân Xô Viết có nguyện vọng đến Việt Nam theo tinh thần quốc tế vô sản để chiến đấu vì sự nghiệp chính nghĩa của nhân dân Việt Nam” (Vu, 2020, p.46).

Về quân sự, tổng số viện trợ quốc tế về quân sự cho Việt Nam trong cuộc kháng chiến chống Mĩ ước tính khoảng 2.362.682 tấn hàng hóa (trị giá khoảng 07 tỉ rúp). Trong đó, viện trợ của Trung Quốc chiếm khoảng 50% tổng số nói trên (Nguyen, 2013, p.169). Ngoài ra, Xô - Trung còn cử các chuyên gia quân sự bao gồm kĩ sư, phi công, kĩ thuật viên phụ trách hệ thống radar, tên lửa cũng như đào tạo cán bộ chuyên môn giúp Việt Nam.

**Bảng 1. Số lượng vũ khí Liên Xô và Trung Quốc ủng hộ Việt Nam (1955-1975)**

Phân loại	Đơn vị tính	Liên Xô	Trung Quốc
Súng bộ binh	khẩu	439.198	2.227.677
Súng chống tăng	khẩu	5630	43.584
Súng cối các loại	khẩu	1076	24.134
Pháo hoả tiễn	khẩu	1877	290
Pháo mặt đất	khẩu	789	1376
Pháo cao xạ	khẩu		3229
Tên lửa Hồng Kì		1 trung đoàn	
Máy bay chiến đấu	chiếc	316	142
Xe tăng các loại	chiếc	687	552

Nguồn: (Nguyen, 2013, p.380)



Về kinh tế, trong 10 năm đầu (1954-1964), các nước xã hội chủ nghĩa dành cho Việt Nam nhiều khoản viện trợ, tổng giá trị lên tới trên 551.981.000 rúp mới và 1.100.000 nhân dân tệ, 45 triệu zloty (tiền Ba Lan), 3.162.000 đồng ngân hàng Việt Nam... (Nguyen, 2020, p.46). Từ năm 1955 đến năm 1959, giữa Trung Quốc và Việt Nam đã kí hàng loạt hiệp định thư về viện trợ kinh tế cho Việt Nam như Hiệp định thư về việc Trung Quốc giúp đỡ Việt Nam trong năm 1955; Hiệp định thư về việc Trung Quốc giúp đỡ Việt Nam xây dựng 18 công trình công nghiệp (18/02/1959); Hiệp định mậu dịch dài hạn giai đoạn 1960-1962 (18/02/1959) (Nguyen, 2013, p.146). Đến năm 1968, Liên Xô dẫn đầu danh sách các nước xã hội chủ nghĩa giúp đỡ cho Việt Nam với tổng giá trị đạt 542 triệu rúp (tương đương 582,2 triệu USD) (Vu, 2021, p.47).

Qua những thống kê trên, dễ dàng nhận thấy hiệu quả của chủ trương ngoại giao cân bằng đã góp phần quan trọng trong việc tranh thủ sự ủng hộ, viện trợ của hai nước lớn Liên Xô và Trung Quốc. Đây là thành quả của một quá trình bền bỉ, kiên nhẫn, chủ động, sáng tạo của Đảng Lao động Việt Nam. Đảng đã góp phần giữ gìn sự đoàn kết trong phong trào cộng sản và công nhân quốc tế, bảo đảm cho cuộc kháng chiến luôn luôn nhận được sự hậu thuẫn và ủng hộ quốc tế mạnh mẽ, vững chắc góp phần vào việc khôi phục đoàn kết đi đôi với tranh thủ sự nhất trí của các nước giúp đỡ, ủng hộ cuộc đấu tranh cách mạng của Việt Nam.

### 3. Kết luận

Sự nghiệp giải phóng dân tộc (1954-1975) của Nhân dân Việt Nam diễn ra trong bối cảnh cao trào của chiến tranh Lạnh, nằm trên trục chuyển động phức tạp của ba cặp quan hệ Mĩ - Liên Xô, Mĩ - Trung Quốc và Liên Xô - Trung Quốc. Mặc dù có mâu thuẫn với nhau, nhưng Liên Xô và Trung Quốc đều giúp Việt Nam và thông qua sự giúp đỡ đều cố gắng tìm mọi cách để có được ảnh hưởng lớn hơn ở Việt Nam, khẳng định vị trí tiên phong và lãnh đạo của mình trong phe xã hội chủ nghĩa và trong phong trào giải phóng dân tộc thế giới.

Việt Nam thực hiện chiến lược cân bằng các mối quan hệ giữa các nước lớn, trước hết là với Liên Xô và Trung Quốc. Mặc dù có thể mức độ quan hệ với hai nước này ở giai đoạn này, giai đoạn khác không giống nhau, nhưng nhìn chung Việt Nam giữ vững được độc lập, tự chủ; lấy lợi ích đại cục làm trọng; kiên trì thuyết phục cả hai nước Liên Xô và Trung Quốc; giữ được sự cân bằng với cả hai quốc gia lớn này. Nhờ đó, Việt Nam vẫn tranh thủ được sự giúp đỡ, viện trợ thiết thực, hiệu quả về chính trị, quân sự, kinh tế của Liên Xô và Trung Quốc cũng như bạn bè quốc tế trong suốt cuộc kháng chiến chống đế quốc Mĩ. Đây là một thành công rất lớn, rất quan trọng trong lĩnh vực đối ngoại, đảm bảo thắng lợi cuối cùng; cũng là những kinh nghiệm ngoại giao quý giá soi sáng thêm cho quá trình đổi mới và hội nhập quốc tế sâu rộng hiện nay của Việt Nam.

❖ **Tuyên bố về quyền lợi:** Tác giả xác nhận hoàn toàn không có xung đột về quyền lợi.

### TÀI LIỆU THAM KHẢO

- Communist Party of Viet Nam (2001). *Van kien Dang Toan tap - tap 15 [CPV Documents – Vol.15]*. National Political Publishing House.
- Communist Party of Viet Nam (2002). *Van kien Dang Toan tap - tap 16 [CPV Documents – Vol.16]*. National Political Publishing House.
- Communist Party of Viet Nam (2002). *Van kien Dang Toan tap - tap 20 [CPV Documents – Vol.20]*. National Political Publishing House.
- Communist Party of Viet Nam (2002). *Van kien Dang Toan tap - tap 21 [CPV Documents – Vol.21]*. National Political Publishing House.
- Communist Party of Viet Nam (2003). *Van kien Dang Toan tap - tap 28 [CPV Documents – Vol.28]*. National Political Publishing House.
- Communist Party of Viet Nam (2004). *Van kien Dang Toan tap - tap 29 [CPV Documents – Vol.29]*. National Political Publishing House.
- Communist Party of Viet Nam (2004). *Van kien Dang Toan tap - tap 35 [CPV Documents – Vol.35]*. National Political Publishing House.
- Directing Board of Summary of the War under the Politburo (2000). *Chien tranh cach mang Viet Nam 1945-1975, thang loi va bai hoc [Vietnam Revolution War 1945-1975, victory and lesson]*. National Political Publishing House.
- Directing Board of Summary of the War under the Politburo (2015). *Tong ket cuoc khang chien chong Mi, cuu nuoc, thang loi va bai hoc [Summary of the resistance war against the US for national salvation, victory and lesson]*. National Political Publishing House.
- Gaiduk, I. V. (1998). *Lien bang Xo Viet va chien tranh Viet Nam [Soviet Union and Vietnam War]*. People's Police Publishing House.
- Ho, C. M. (2011). *Ho Chi Minh Toan tap - tap 14 [Ho Chi Minh Documents - Vol.14]*. National Political Publishing House.
- Hoang, P. (2021). *Tu dien Tieng Viet [Vietnamese Dictionary]*. Hanoi: Hong Duc Publishing House.
- International Relation Academy. (2002). *Dau tranh ngoai giao trong cach mang dan toc dan chu nhan dan (1945-1954) [Diplomatic struggle in people's national democratic revolution (1945-1975)]*.
- Ministry of Foreign Affairs (1979). *Su that ve quan he Viet Nam - Trung Quoc trong 30 nam qua [The Truth about Vietnam-China relations over the last 30 years]*. Su That Publishing House.
- Ministry of National Defence, Vietnam Military History Institute. (2013). *Lich su khang chien chong Mi, cuu nuoc (1954 - 1975), tap 9 [History of the resistance war against the US for national salvation (1954 - 1975), Vol.9]*. National Political Publishing House.
- Nguyen, P. N. (2016). *Ve cac Tong thong Mi trong cuoc chien tranh xam luoc Viet Nam [About American Presidents in Vietnam War]*. National Political Publishing House.

- Nguyen, T. M. H. (2013). *Cac nuoc xa hoi chu nghĩa ủng hộ Việt Nam kháng chiến chống Mỹ, cứu nước (1954-1975)* [The socialist countries supported Vietnam in the war of resistance against US aggression, for national salvation (1954-1975)]. National Political Publishing House.
- Nguyen, V. Q. (2020). *Việt Nam tranh thủ sự ủng hộ, giúp đỡ từ các nước xã hội chủ nghĩa những năm 1954-1968* [Vietnam took advantage of support, help from socialist countries in the years 1954-1968]. People's Army Publishing House.
- Pham, Q. M. (2015). *Quan hệ tam giác Việt Nam - Trung Quốc - Liên Xô trong cuộc kháng chiến chống Mỹ (1954-1975)* [Triangle relation Vietnam - China - Soviet Union in the resistance war against the US]. National University Publishing House.
- Vietnamese Diplomacy 1945-2000*. National Political Publishing House, 2002.
- Vu, D. H. (2020). *70 năm quan hệ Việt – Nga và đôi điều về nước Nga* [70 years of Vietnam-Russia relations and something about Russia]. National Political Publishing House.
- Vu, D. H. (2022). *Ngoại giao và công tác ngoại giao* [Diplomacy and Diplomatic works]. National Political Publishing House.
- Vu, D. N. (2021). *Lịch sử quan hệ đối ngoại Việt Nam (1940- 2020)* [History of the Vietnam foreign affair relation (1940-2020)]. National Political Publishing House.
- 

**THE BALANCED DIPLOMACY PERSPECTIVE OF THE VIETNAM WORKERS'  
PARTY DURING THE RESISTANCE WAR AGAINST THE U.S.  
FOR NATIONAL SALVATION (1954-1975)**

**To Thi Hanh Nhan**

*Ho Chi Minh City University of Education, Vietnam*

*Corresponding author: To Thi Hanh Nhan – Email: nhandth@hcmue.edu.vn*

*Received: September 26, 2023; Revised: March 12, 2024; Accepted: May 21, 2024*

**ABSTRACT**

*This article clarifies the Vietnam Workers' Party's balanced foreign policy during the complex international relations from 1954 to 1975. By analyzing the process of formulating a foreign policy that was balanced, independent, and self-reliant during the Party's resistance war against the U.S. for national salvation, particularly at pivotal historical moments, the article sheds light on the Party's international strategy and diplomatic approach—key factors that contributed to the success of the resistance. The experiences drawn from this historical period can be applied to the current efforts in nation-building and defense.*

**Keywords:** balance; diplomatic policy; international relations; period 1954-1975